TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/DS-ST
Ngày: 10-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Đức Binh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2025/QĐXXST-DS ngày 07/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2025/QĐST-DS ngày 23/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1966; nơi thường trú: Tổ U, thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

Ông Tr chết ngày 28/02/2025 theo Giấy chứng tử số 08/2025 ngày 07/3/2025.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Xuân Tr:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; nơi thường trú: Tổ U, thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B.

2. Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1992;

3. Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1991;

4. Bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, sinh năm 1995;

5. Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 2000;

6. Bà Nguyễn Thị Xuân Th1, sinh năm 2004;

Cùng thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1:

1. Bà Hoàng Thị Bích Ng, sinh năm 1984; Thường trú: Tổ U1, thôn T1, xã N, huyện Đ1, tỉnh B; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

2. Bà Nguyễn Ngọc Bảo K, sinh năm 2002; Thường trú: thôn T2, xã Th, huyện Đ2, tỉnh L; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/02/2025 và văn bản ủy quyền ngày 26/3/2025).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1, sinh năm 1995 và ông Cao Th2, sinh năm 1993; cùng nơi cư trú: Tổ U3, thôn T3, xã Đ5, huyện Đ1, tỉnh B.

Bà Ng, bà K, bà H vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Ng1, ông Th2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị Bích Ng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1 và ông Cao Th2 có vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị H và chồng là ông Nguyễn Xuân Tr để phục vụ cho nhu cầu của gia đình. Việc vay mượn có ghi nhận lại trong Giấy mượn tiền có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1. Cụ thể như sau:

Ngày 21/10/2021, vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1 mượn số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Có hẹn trả trong 110 ngày. Hết hạn hẹn trả, vợ chồng bà Nguyễn Thị H đã yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1 trả nợ nhiều lần, tuy nhiên bà Ng1 luôn hứa hẹn hết lần này đến lần khác, trốn tránh không trả tiền.

Sau khi vụ án được Tòa án nhân dân huyện Đức Linh thụ lý giải quyết, vào ngày 15/4/2025, bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1 có trả cho bà H số tiền là 200.000 đồng. Do đó, số tiền vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1 còn nợ bà H là 29.800.000 đồng.

Nay, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Xuân Tr khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1 và ông Cao Th2 có trách nhiệm thanh toán số tiền 38.299.123 đồng (Ba mươi tám triệu hai trăm chín mươi chín nghìn một trăm hai mươi ba đồng), gồm: Tiền nợ gốc là 29.800.000 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng); tiền lãi tính từ ngày 10/02/2022 đến ngày 17/12/2024 với mức lãi suất 10%/năm

trên khoản tiền nợ gốc 29.800.000 đồng là 8.499.123 đồng (Tám triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn một trăm hai mươi ba đồng).

Ngoài ra, sau phiên tòa xét xử sơ thẩm đến ngày bản án có hiệu lực mà bị đơn không tự nguyện trả tiền cho nguyên đơn thì bị đơn phải chịu lãi với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 trên khoản tiền nợ còn phải trả tính từ ngày có bản án sơ thẩm có hiệu lực đến ngày thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn.

* Tại bản tự khai ngày 10/6/2025, bà Hoàng Thị Bích Ng trình bày: Khoản nợ này được vợ chồng bị đơn bà Ng1, ông Th2 mượn để phục vụ cho nhu cầu gia đình nên đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông, bà. Vì thế, cả hai vợ chồng bà Ng1 và ông Th2 phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho vợ chồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Tổng số tiền nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1 và ông Cao Th2 có trách nhiệm thanh toán là 38.299.123 đồng (Ba mươi tám triệu hai trăm chín mươi chín nghìn một trăm hai mươi ba đồng), gồm: Tiền gốc 29.800.000 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng); Tiền lãi tính từ ngày 10/02/2022 đến ngày 17/12/2024 với mức lãi suất 10%/năm trên khoản tiền nợ gốc là 8.499.123 đồng (Tám triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn một trăm hai mươi ba đồng).

Ngoài ra, sau phiên tòa xét xử sơ thẩm đến ngày bản án có hiệu lực mà bị đơn không tự nguyện trả tiền cho nguyên đơn thì bị đơn phải chịu lãi với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 trên khoản tiền nợ còn phải trả tính từ ngày có bản án sơ thẩm có hiệu lực đến ngày thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn.

- Tại các bản tự khai ngày 25/3/2025, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 trình bày: Các ông, bà thống nhất từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định.

Tại bản tự khai ngày 19/4/2025, bà Hoàng Thị Bích Ng và bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 trình bày: Thống nhất ý kiến với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr về việc họ từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí) trong vụ án và giao toàn bộ quyền tài sản, cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án nêu trên cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1 và ông Cao Th2 trong suốt quá trình tố tụng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà Hoàng Thị Bích Ng, bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1, ông Cao Th2 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 23/5/2025 và ngày 10/6/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

+ Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ mượn tiền theo Giấy mượn tiền ngày 21/10/2021, số tiền đã mượn là 30.000.000 đồng. Đại diện nguyên đơn thừa nhận, ngày 15/4/2025, bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1 có trả cho bà H số tiền là 200.000 đồng. Do đó, số tiền vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1 còn nợ bà H là 29.800.000 đồng. Bà Ng1, ông Th2 không đến Tòa án làm việc nên không trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện buộc bà Ng1, ông Th2 cùng chịu trách nhiệm trả tiền là phù hợp. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Tr thống nhất từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí), giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định.

Về lãi suất: Đây là Hợp đồng vay không thỏa thuận lãi suất, có kỳ hạn. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 10/02/2022 đến ngày 17/12/2024 với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Ng1, ông Th2 trả tiền nợ gốc 29.800.000 đồng còn lại, cùng lãi suất mức 10%/năm từ ngày 10/02/2022 đến ngày 17/12/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà Hoàng Thị Bích Ng, bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà

Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1, ông Cao Th2 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 23/5/2025 và ngày 10/6/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr chết ngày 28/02/2025 theo Giấy chứng tử số 08/2025 ngày 07/3/2025. Theo bản tường trình quan hệ nhân thân; bản sao Giấy chứng tử số 26/2010, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp ngày 25/10/2010 và bản sao Giấy khai sinh số 473 ngày 14/12/2018 của ông Nguyễn Xuân Tr do nguyên đơn nộp, thì mẹ ông Tr là bà Nguyễn Thị B3 và cha là ông Nguyễn Tr3 đã chết. Như vậy, căn cứ vào 05 bản sao Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp và Giấy chứng nhận kết hôn số 235, quyển số 01 ngày 28/02/1989 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Tr gồm vợ là bà Nguyễn Thị H và 05 người con ruột là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1. Do đó, Tòa án đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tr.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1 và ông Cao Th2 phải thanh toán số tiền 38.299.123 đồng (Ba mươi tám triệu hai trăm chín mươi chín nghìn một trăm hai mươi ba đồng), gồm:

+ Số tiền gốc 29.800.000 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

+ Số tiền lãi tính từ ngày 10/02/2022 đến ngày 17/12/2024 với mức lãi suất 10%/năm trên khoản tiền nợ gốc là 8.499.123 đồng (Tám triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn một trăm hai mươi ba đồng).

Nộp kèm là Bản chính Giấy mượn tiền ngày 21/10/2021.

[3] Theo Giấy mượn tiền ngày 21/10/2021 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1, sinh ngày 10/12/1995, CCCD W chồng Cao Th2 sinh năm 1993 hiện cư trú tại tổ U3, thôn T3, xã Đ5, huyện Đ1, tỉnh B. Hôm nay ngày 21/10/2021, có mượn của bà H 30.000.000 đồng, góp ngày 300 đóng 110 ngày. Phía dưới có chữ ký của bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1.

Căn cứ vào Giấy mượn tiền trên cùng lời trình bày của đại diện nguyên đơn thì số tiền bà Ng1, ông Th2 mượn nguyên đơn là 30.000.000 đồng. Người đại diện nguyên đơn thừa nhận, bị đơn đã trả được 200.000 đồng vào ngày 15/4/2025. Số tiền gốc còn nợ là 29.800.000 đồng.

[3.1] Xét thấy quá trình tố tụng, bà Ng1, ông Th2 không đến Tòa án làm việc, không xuất trình được chứng cứ gì về số tiền nợ cũng như không có bất kỳ ý kiến nào về việc không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong các giấy tờ là của bà Ng1, ông Th2, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập đến làm việc và có ban hành Giấy yêu cầu cung cấp chứng cứ gửi cho bà Ng1, ông Th2.

[3.2] Theo Phiếu xác minh ngày 24/3/2025 tại Công an xã Đ5 có nội dung: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1, sinh năm 1995 và ông Cao Th2, sinh năm 1993, hiện đang là vợ chồng, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ U3, thôn T3, xã Đ5, huyện Đ1, tỉnh B. Thông tin họ tên, quan hệ vợ chồng, địa chỉ khớp với thông tin cá nhân được ghi trong giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp.

[3.3] Xét thấy, mặc dù ông Th2 không trực tiếp ký tên vào Giấy mượn tiền nhưng việc mượn tiền được thực hiện trong thời gian bà Ng1, ông Th2 có quan hệ vợ chồng hợp pháp, do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, thì khoản tiền mượn này là khoản nợ chung của vợ chồng bà Ng1, ông Th2. Do đó, trách nhiệm trả số tiền này cho nguyên đơn thuộc về cả hai vợ chồng bà Ng1, ông Th2.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 đều trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định.

Như vậy bà Ng1, ông Th2 có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 29.800.000 đồng cho bà H là phù hợp. Từ đó có căn cứ xác định, việc bà H, ông Tr khởi kiện yêu cầu bà Ng1, ông Th2 thanh toán số tiền nợ là có cơ sở theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Giấy mượn tiền không thỏa thuận tính lãi, trong giấy có nội dung ghi góp theo ngày, trong thời hạn 110 ngày. Như vậy, đây là quan hệ vay tiền không có lãi suất, có kỳ hạn. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi sau khi hết kỳ hạn là phù hợp.

[4.1] Số tiền 30.000.000 đồng (đã trả được 200.000 đồng vào ngày 15/4/2025) mượn ngày 21/10/2021, thời gian góp là 110 ngày, bắt đầu góp từ ngày 22/10/2021, vậy ngày hết hạn góp là ngày 09/02/2022. Lãi suất sẽ được tính từ ngày 10/02/2022 với mức lãi suất 10%/năm. Cụ thể: 29.800.000 đồng x 10%/năm x 02 năm 10 tháng 07 ngày = 8.501.277 đồng.

[4.2] Người đại diện nguyên đơn xác định số tiền lãi tính từ ngày 10/02/2022 đến ngày 17/12/2024 (là 1.041 ngày) với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc 29.800.000 đồng là 8.499.123 đồng. Mức lãi suất này là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, vì vậy có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tạm ứng án phí: Thời điểm đóng tạm ứng án phí, bà H và ông Tr cùng đóng. Tuy nhiên, ngày 28/02/2025, ông Tr chết. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Tr cùng người đại diện hợp pháp của họ trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí) trong vụ án và giao toàn bộ quyền tài sản, cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án nêu trên cho nguyên đơn bà H. Vì vậy, tiền tạm ứng án phí sẽ được trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1 và ông Cao Th2 phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 74, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 357, 463, 466, 468, Điều 609, Điều 614 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Xuân Tr đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1, ông Cao Th2 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1, ông Cao Th2 có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 38.299.123 đồng (Ba mươi tám triệu hai trăm chín mươi chín nghìn một trăm hai mươi ba đồng), gồm: Số tiền gốc 29.800.000 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng); số tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm là 8.499.123 đồng (Tám triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn một trăm hai mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng1, ông Cao Th2 phải chịu 1.915.000 đồng (Một triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng).

- Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 967.000 đồng (Chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số

0005178 ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự (4);
- VKSND huyện Đức Linh (1);
- CC THADS huyện Đức Linh (1);
- TAND tỉnh Bình Thuận (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung